**MỤC LỤC**

PHẦN MỞ ĐẦU ……………………………………………………….. 01

**Chương 1: XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX**

 **XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX …………..** 02

* 1. **Xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx** …………... 02
	2. **Xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx** …………… 07

**Chương 2: XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX ……………** 12

**2.1**. **Xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx** …………… 12

**2.2.Xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx** …………… 18

KẾT LUẬN ………………………………………………………………. 22

PHỤ LỤC …………………………………………………………………. 23

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO ………………………………… 25

**MỘT SỐ HƯỚNG DẪN**

**TRÌNH BÀY TIỂU LUẬN**

1. **Font chữ:** Times New Roman.
2. **Size:** Từ “Mục lục” trở đi được sử dụng 1 trong 2 size: 13 hoặc 14.
3. **Số trang:** Đánh phía trên, giữa trang, trang 1 là trang Phần mở đầu.
4. **Lề:** - Lề trên: 3,5 cm.
* Lề dưới: 3,0 cm.
* Lế trái: 3,5 cm.
* Lề phải: 2,0 cm.
1. **Dãn dòng:** 1 line.
2. **Trích dẫn:**

Trích dẫn nguồn để trong ngoặc vuông, trong đó cụm số trước là số thứ tự của tài liệu trong “Danh mục tài liệu tham khảo”, cụm số sau là số trang trong tài liệu đó.

Ví dụ: [15, tr. 72] : Đây là nguồn trong “Danh mục tài liệu tham khảo” có số thứ tự là 15; trong tài liệu này, nguồn trích dẫn ở trang 15.

1. **Danh mục tài liệu tham khảo:**

Trình bày theo quy định đối với đề tài nghiên cứu khoa học:

* Tài liệu tham khảo xếp theo ngôn ngữ (Việt – Anh – Nga – Pháp – Đức – Trung – V.v). Số thứ tự của tài liệu tham khảo được đánh từ 1, 2, 3, 4, … liên tục từ cho đến hết.
* Tài liệu tham khảo bẵng tiếng Việt:

Số thứ tự / chấm / Họ và tên tác giả (xếp theo bảng chữ cái a, b, c) / mở ngoặc đơn / năm xuất bản / đóng ngoặc đơn / phảy / tên tác phẩm (in nghiêng) / phảy / nhà xuất bản (viết tắt: Nxb.) / tên nhà xuất bản / nơi xuất bản / chấm.

Ví dụ:

12. Nguyễn Cang (1999), *Lịch sử toán học,* Nxb.Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**-** Tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài:

 Giữ nguyên văn theo bản gốc (không phiên âm, không dịch).